

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị

2. Bà Lê Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971 Địa chỉ: Số 9/163A Khu phố 3 N, thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 9/163A Khu phố 3 N, thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông X tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 155/2002 ngày 11/9/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp do bà T làm ăn thất bại. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông X. Về con chung: Thời gian sống chung bà T và ông X có 03 con chung tên Lê Hoàng N, sinh năm 1995, Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/7/2003 và Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu N và cháu N, yêu cầu ông X cấp dưỡng cho con chung 1.000.000đ/tháng/con.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có bằng tường trình, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn nhưng thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, chỉ yêu cầu ông X cấp dưỡng cho con chung là cháu N và cháu N mỗi cháu mỗi tháng 745.000đ đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Thanh T với ông Lê Văn X là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn X đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà T, xét thấy: Bà T và ông X qua quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 155/2002 ngày 11/9/2002. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông X là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp do bà T làm ăn thất bại, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông X. Thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay thì hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Ông X được thông báo đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông không đến tham dự phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông X không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Thấy rằng, giữa ông bà tình cảm không còn đậm ấm mâu thuẫn đã trầm trọng, bà T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn. Bà T trình bày thời gian sống chung bà T và ông X có 03 con chung tên Lê Hoàng N, sinh năm 1995, Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/7/2003 và Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi cháu N và cháu N. Thấy rằng, con chung là cháu N và cháu N hiện do bà Thủy nuôi và cũng có nguyện vọng ở chung với bà T. Để ổn định tâm lý của con chưa thành niên nên cần thiết giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông X cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng là 745.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ nên buộc ông X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, ông X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Lê Văn X về tranh chấp ly hôn.

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông X.

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/7/2003 và Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010. Buộc ông Lê Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu N mỗi cháu mỗi tháng 745.000đ đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà T, ông X hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004685 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Buộc ông Lê Văn X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy